

Số: /2025/QĐ-UBND Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 07/TTr-SVHTTDL ngày 13/3/2025 về dự thảo Quyết định Quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi thực hiện cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### Điều 2. Mức chi hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục

1. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua hình thức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7; Điều 9, Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nội dung và mức chi nhuận bút xây dựng bản tin, phóng sự, tọa đàm về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều

13 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ Quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

3. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua loa truyền thanh về chi nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác: thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 12 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Chi sản xuất và phát hành băng rôn, panô, áp-phích, tranh cổ động: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ và quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Chi tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, tiểu phẩm tại cộng đồng:

a) Chi bồi dưỡng luyện tập chương trình mới: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi bồi dưỡng trong chương trình biểu diễn: 300.000 đồng/người.

c) Chi bồi dưỡng người dẫn chương trình: 500.000 đồng/buổi.

d) Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ và các khoản thuê khác: Mức chi theo thực tế căn cứ vào hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương và quy định của pháp luật.

6. Chi tổ chức chiến dịch truyền thông tại cộng đồng:

a) Chi xây dựng kịch bản: 1.000.000 đồng/kịch bản.

b) Chi bồi dưỡng người dẫn chương trình: 500.000 đồng/người/buổi.

c) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia chiến dịch truyền thông tại cộng đồng: 100.000 đồng/người/buổi.

d) Chi biểu diễn văn nghệ theo quy định tại khoản 5 Điều này.

đ) Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ và các khoản thuê khác: Mức chi theo thực tế căn cứ vào hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương và quy định của pháp luật.

7. Chi biên soạn tài liệu mẫu để tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình: thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 3: Mức chi tổ chức thi tìm hiểu về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi biên soạn đề thi và đáp án: 2.000.000 đồng/đề thi kèm đáp án.

2. Chi bồi dưỡng chấm thi, Ban giám khảo cuộc thi, xét công bố kết quả thi: 500.000 đồng/người/buổi.

3. Chi bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức, thư ký cuộc thi: 350.000 đồng/người/buổi.

4. Mức chi giải thưởng:

a) Chi giải nhất: Giải tập thể cấp tỉnh tổ chức 20.000.000 đồng/giải thưởng, cấp huyện tổ chức 10.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng; Giải cá nhân cấp tỉnh tổ chức 10.000.000 đồng/giải thưởng, cấp huyện tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 2.500.000 đồng/giải thưởng.

b) Chi giải nhì: Giải tập thể cấp tỉnh tổ chức 10.000.000 đồng/giải thưởng, cấp huyện tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 2.500.000 đồng/giải thưởng; Giải cá nhân cấp tỉnh tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng, cấp huyện tổ chức tối đa 2.500.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 1.250.000 đồng/giải thưởng.

c) Chi giải ba: Giải tập thể cấp tỉnh tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng, cấp huyện tổ chức 2.500.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 1.250.000 đồng/giải thưởng; Giải cá nhân cấp tỉnh tổ chức 2.500.000 đồng/giải thưởng, cấp huyện tổ chức 1.250.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 700.000 đồng/giải thưởng.

d) Chi giải khuyến khích: Giải tập thể cấp tỉnh tổ chức 3.000.000 đồng/giải thưởng, cấp huyện tổ chức 1.500.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 750.000 đồng/giải thưởng; Giải cá nhân cấp tỉnh tổ chức 1.250.000 đồng/giải thưởng, cấp huyện tổ chức 700.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 350.000 đồng/giải thưởng.

5. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng thi trong những ngày tổ chức cuộc thi: Áp dụng mức chi tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND.

6. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày), áp dụng mức chi hỗ trợ tiền ăn nghỉ đối với đại biểu không hưởng lương: thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND. Những người đã được hưởng khoản hỗ trợ nêu trên thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan, đơn vị.

7. Chi thuê dẫn chương trình: 2.000.000 đồng/người/buổi.

8. Chi thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: Mức chi theo thực tế căn cứ vào hóa đơn, chứng từ.

9. Thuê diễn viên biểu diễn văn nghệ:

a) Cá nhân 300.000 đồng/người/tiết mục.

b) Tập thể 5.000.000 đồng/tập thể/tiết mục và không quá 300.000 đồng/người/tiết mục tập thể.

10. Chi tổng hợp báo cáo kết quả cuộc thi:

a) Đối với cuộc thi cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo.

b) Đối với cuộc thi cấp huyện: 2.000.000 đồng/báo cáo.

c) Đối với cuộc thi cấp cơ sở: 1.000.000 đồng/báo cáo.

11. Chi hợp báo thông cáo báo chí về cuộc thi:

a) Chi xây dựng thông cáo báo chí: 1.000.000 đồng/thông báo.

b) Chi thù lao cho phóng viên báo chí được mời tham dự họp báo: 100.000 đồng/người/buổi họp báo.

c) Chi cho người chủ trì họp báo: 300.000 đồng/buổi họp báo.

d) Chi cho người tham gia trả lời câu hỏi của phóng viên, báo chí tại buổi họp báo: 200.000 đồng/người/buổi họp báo.

#### **Điều 4. Mức chi xây dựng, triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi nghiên cứu xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chi soạn thảo mô hình: 20.000.000 đồng/mô hình.

3. Chi cho người tham gia triển khai thực hiện mô hình: Mức chi theo thực tế số ngày tham gia, 100.000 đồng/người/ngày hoặc khoán chi 2.000.000 đồng/người/tháng.

4. Các khoản chi khác thực hiện theo thực tế, căn cứ vào hóa đơn, chứng từ và theo các quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 5. Mức chi hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi hỗ trợ thiết lập phòng, bộ phận tư vấn:

Hỗ trợ điện thoại, máy tính theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng không vượt mức tối đa quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg về tiêu chuẩn định mức trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã.

2. Chi biên soạn tài liệu mới; chỉnh sửa, bổ sung cập nhật tài liệu phù hợp với nội dung tư vấn: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

3. Chi thù lao cho nhân viên tư vấn theo chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc: Mức chi theo thỏa thuận dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

4. Chi các khoản điện, nước, văn phòng phẩm, phô tô tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, tối đa không quá 5.000.000 đồng/tháng/cơ sở.

#### **Điều 6. Chi giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình**

1. Chi biên soạn tài liệu giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi biên soạn bộ câu hỏi trắc nghiệm để nhận diện hành vi bạo lực gia đình và đánh giá về kiến thức, kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình; kỹ năng ứng phó với hành vi bạo lực gia đình (soạn thảo câu hỏi thô; rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa được quản lý trên phần mềm máy tính): thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Chi phổ biến pháp luật trực tiếp cho người có hành vi bạo lực gia đình: thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 9, khoản 11, khoản 13, khoản 16 Điều 2 Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

#### **Điều 7. Chi hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình**

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn tâm lý, cung cấp kỹ năng ứng phó với bạo lực gia đình cho người bị bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực gia đình: 200.000 đồng/người/lần tư vấn.

2. Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu khi thực hiện cảm tiếp xúc, việc hỗ trợ áp dụng như quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

#### **Điều 8. Chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

Trường hợp cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình thuộc đối tượng khác được hỗ trợ theo chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp hoặc được hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội: Áp dụng theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chi hỗ trợ bù đắp thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình:

Cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình khi trực tiếp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình mà bị thiệt hại về tài sản nhưng người gây thiệt hại không có khả năng bồi thường thiệt hại thì được hỗ trợ bù đắp đối với tài sản bị thiệt hại bằng với mức hỗ trợ do Hội đồng xác định mức độ hỗ trợ thiệt hại cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình bị thiệt hại về tài sản thành lập.

**Điều 9. Chi phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng**

1. Hằng năm, cơ quan chuyên môn về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình về công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

2. Cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình tham dự các cuộc thi, hội nghị, hội thảo trong khu vực, liên khu vực để trao đổi kinh nghiệm công tác: Mức chi thực hiện theo Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND.

**Điều 10. Chi hoạt động phối hợp liên ngành, sơ kết, tổng kết**

1. Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, tập huấn nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Chi bồi dưỡng cho đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo chuyên đề: Cấp tỉnh 8.000.000 đồng/báo cáo, cấp huyện 4.000.000 đồng/báo cáo, cấp xã 2.000.000 đồng/báo cáo.

c) Chi xây dựng báo cáo sơ kết: Cấp tỉnh 10.000.000 đồng/báo cáo, cấp huyện 5.000.000 đồng/báo cáo, cấp xã 2.500.000 đồng/báo cáo.

d) Chi xây dựng báo cáo tổng kết: Cấp tỉnh 12.000.000 đồng/báo cáo, cấp huyện 6.000.000 đồng/báo cáo, cấp xã 3.000.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi bồi dưỡng viết bài tham luận, bài kỷ yếu hội nghị sơ kết, tổng kết: Cấp tỉnh 2.000.000 đồng/bài tham luận, cấp huyện 1.000.000 đồng/bài tham luận, cấp xã 500.000 đồng/bài tham luận.

e) Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu và các khoản chi khác có liên quan: thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND.

2. Chi công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch công tác; tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống bạo lực gia đình trong khu vực, liên khu vực: thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND.

**Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách nhà nước chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội được giao nhiệm vụ có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình chủ động sử dụng các nguồn tài chính được giao tự chủ để chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình; ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

## **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Các khoản chi tiền bồi dưỡng cuộc họp, hội nghị, hội thảo đối với công chức, viên chức quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 10 Quyết định này chấm dứt khi thực hiện cải cách chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành có liên quan, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 12;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp;
- TTr TU, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Kiểm tra VB);
- Các Sở, Ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Minh Thông**